

**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU**  
**LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

Luật tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 18/11/2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Ngày 18/6/2004, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước được ghi nhận qua các kỳ Đại hội. Nội dung Pháp lệnh thể hiện chính sách dân chủ, tôn trọng, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức tôn giáo, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; tôn trọng, bảo đảm nguyên tắc những việc nội bộ của các tổ chức tôn giáo do các tôn giáo tự giải quyết theo hiến chương, điều lệ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Tuy nhiên, qua tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh và các văn bản quy định chi tiết thi hành cho thấy một số quy định của Pháp luật còn bất cập; thiếu cụ thể, chưa phù hợp với thực tiễn hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người. Một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn nhưng chưa được quy định trong Pháp lệnh, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động này. Bên cạnh những tôn giáo hoạt động ổn định, có đủ điều kiện theo Luật định đã được Nhà nước cấp đăng ký hoạt động, công nhận về tổ chức thì còn hàng chục hiện tượng tôn giáo mới tồn tại. Hầu hết các hiện tượng tôn giáo mới nặng tính mê tín dị đoan, giáo lý, giáo luật, không có hoặc vay mượn từ các tôn giáo khác hoặc thể hiện lối sống lệch lạc trái với các giá trị đạo đức, văn hóa của dân tộc; một số hiện tượng tôn giáo từ nước ngoài du nhập vào Việt Nam có yếu tố lợi dụng chính trị. Một số hoạt động tà đạo bị các thế lực phản động lợi dụng để hoạt động chính trị thực hiện âm mưu chống phá chế độ, lật đổ chính quyền. Một số tổ chức tôn giáo, tín đồ bị các thế lực xấu, phản động trong và ngoài nước lợi dụng, sử dụng để gây rối, bạo loạn phá hoại đoàn kết dân tộc, phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và vi phạm pháp luật... Những hạn chế, bất cập này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng Luật tín ngưỡng, tôn giáo thay thế Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo để hoàn thiện cơ sở pháp

lý đáp ứng yêu cầu của thực tiễn về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Hiến pháp năm 2013 đã có sửa đổi quan trọng về chủ thể của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ là của “công dân” Việt Nam mà là của “mọi người”; đồng thời ghi nhận quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền con người quan trọng, cơ bản, được Nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp cũng bổ sung nguyên tắc quyền con người chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của Luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Đồng thời phân định thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định chính sách tôn giáo của Nhà nước... Vì vậy, việc ban hành luật để cụ thể hoá đầy đủ nội dung, quy định và tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là cần thiết và cấp bách.

Mặt khác, trong xu hướng hội nhập quốc tế sâu rộng, hoạt động tôn giáo trên thế giới rất đa dạng, có nhiều biến động phức tạp cũng như sức ép về các vấn đề nhân quyền, dân chủ từ các tổ chức quốc tế, các quốc gia lớn đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về tôn giáo ở Việt Nam. Điều này đặt ra yêu cầu cần thiết phải ban hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo để bảo đảm tính tương thích với luật pháp quốc tế về quyền con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đặc biệt là Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Từ những căn cứ nêu trên đòi hỏi phải có một đạo luật để tiếp tục thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; phù hợp với Hiến pháp năm 2013; khắc phục những tồn tại, bất cập của pháp luật tín ngưỡng, tôn giáo; tương thích với các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà Việt Nam là thành viên, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đang trở nên cấp thiết hiện nay.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU XÂY DỰNG LUẬT**

### **1. Quan điểm chỉ đạo**

- Bám sát đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, an ninh, quốc phòng, quan hệ quốc tế; bảo đảm hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế-xã hội của Việt Nam; phát huy vai trò, tiềm năng của các tổ chức, cá nhân tôn giáo tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp 2013 về quyền con người, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm về tín ngưỡng, tôn giáo của một số nước trên thế giới, phù hợp với đặc điểm tình hình nước ta; bảo đảm sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo trong cả nước.

## **2. Mục tiêu**

- Thể chế hóa các quan điểm của Đảng và Hiến pháp 2013 nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người.

- Khắc phục những bất cập, tồn tại, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo để đảm bảo hơn nữa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nhà nước nhằm tạo sự thông thoáng, minh bạch trong việc tôn trọng, bảo hộ, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; hạn chế sự can thiệp hành chính của Nhà nước vào các công việc nội bộ của tổ chức tôn giáo; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cải cách hành chính đối với lĩnh vực này.

- Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tạo điều kiện để quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, các giá trị dân chủ, văn minh của loài người, của chủ nghĩa xã hội, các giá trị đạo đức, văn hóa của tôn giáo được phát huy; giữ vững niềm tin của người có tín ngưỡng, tôn giáo vào chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện tốt chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đấu tranh chống hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật. Thể hiện trách nhiệm quốc gia đối với việc thực hiện pháp luật quốc tế.

## **III. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

Luật tín ngưỡng, tôn giáo gồm 09 chương, 08 mục và 68 điều:

**1. Chương I: Những quy định chung:** Chương này gồm 05 điều, từ Điều 1 đến Điều 5 quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hành vi bị nghiêm cấm.

### *1.1. Về phạm vi điều chỉnh*

Luật quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; tổ chức tôn giáo; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo.

### *1.2. Giải thích từ ngữ*

Luật đã bỏ một số từ ngữ được sử dụng tại Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo như tổ chức tôn giáo cơ sở, hội đoàn tôn giáo (mang tính chuyên biệt của một tôn giáo). Luật kế thừa nhưng sửa đổi, bổ sung nội hàm của một số từ ngữ đã được quy định tại Pháp lệnh (hoạt động tín ngưỡng, cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, hoạt động tôn giáo, cơ sở tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc) và bổ sung nhiều từ ngữ mới được sử dụng thường xuyên (tín ngưỡng, tôn giáo, chức việc, sinh hoạt tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, địa điểm hợp pháp, người đại diện).

### *1.3. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo*

Luật quy định trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo bao gồm: (i) Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; (ii) Nhà nước tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của Nhân dân; (iii) Nhà nước bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.

### *1.4. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm tập hợp đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào không theo tín ngưỡng, tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phản ánh kịp thời ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của Nhân dân về các vấn đề có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; tham gia tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ, người theo tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức tôn giáo và Nhân dân thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

### *1.5. Các hành vi bị nghiêm cấm*

Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của Hiến pháp năm 2013. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phạm vi trách nhiệm của mình có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Tuy nhiên quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền có giới hạn. Do đó, trong thực hiện quyền

này các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nhất định và không được thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm.

Kế thừa quy định về các hành vi bị nghiêm cấm tại Pháp lệnh, Điều 5 của Luật đã đưa ra các hành vi bị nghiêm cấm gồm: Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo; xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo và hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo bị cấm khi xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Luật còn quy định hành vi bị nghiêm cấm khác như lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi. Tùy từng trường hợp, khi vi phạm các điều cấm này, tổ chức, cá nhân sẽ bị xử lý theo quy định như bị đình chỉ hoạt động hoặc giải thể tổ chức.

**2. Chương II: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo:** Chương này gồm 04 điều, từ Điều 6 đến Điều 9 quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

### *2.1. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người*

Cụ thể hóa Điều 24 Hiến pháp năm 2013: "*Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào*", Luật quy định chủ thể thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là mọi người (khoản 1 Điều 6).

Theo quy định của Luật, mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo; quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo. Đối với người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo hoặc học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. Đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

Như vậy, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của tất cả mọi người và quyền này không bị giới hạn bởi quốc tịch, giới tính, độ tuổi.

### *2.2. Quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc*

Luật quy định mang tính nguyên tắc về các quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, bao gồm: Hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ và văn bản có nội dung tương tự của tổ chức tôn giáo; tổ chức sinh hoạt tôn giáo; xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho; các quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### *2.3. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam*

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được quy định bao gồm: Được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung; mời chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo; vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam; mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam ngoài các quyền trên còn có quyền được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam.

**3. Chương III: Hoạt động tín ngưỡng:** Chương này gồm 06 điều (từ Điều 10-15) quy định về nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng; người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; đăng ký hoạt động tín ngưỡng; tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ; tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi; quản lý, sử dụng khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng.

#### *3.1. Nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng*

Hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng khi thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tiết kiệm, bảo vệ môi trường.

#### *3.2. Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng*

Luật quy định cơ sở tín ngưỡng phải có người đại diện hoặc ban quản lý để chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động diễn ra tại cơ sở. Người đại diện hoặc

thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng phải là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có uy tín trong cộng đồng dân cư. Việc bầu, cử người đại diện hoặc thành viên ban quản lý do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp tổ chức để cộng đồng dân cư bầu, cử. Căn cứ vào kết quả bầu, cử, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản công nhận người đại diện hoặc thành viên ban quản lý trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bầu, cử.

Đối với cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý cơ sở tín ngưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý nhà thờ dòng họ là công việc nội bộ của dòng họ vì vậy không phải áp dụng theo các quy định nêu trên.

### *3.3. Đăng ký hoạt động tín ngưỡng*

Hoạt động tín ngưỡng của cơ sở tín ngưỡng phải đăng ký, trừ cơ sở tín ngưỡng là nhà thờ dòng họ. Việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng hằng năm của cơ sở tín ngưỡng phải thực hiện chậm nhất là 30 ngày trước ngày cơ sở tín ngưỡng bắt đầu hoạt động tín ngưỡng, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 của Luật. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do. Đối với các hoạt động tín ngưỡng không có trong văn bản đăng ký đã được chấp thuận thì người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm đăng ký bổ sung.

Đối với cơ sở tín ngưỡng đã thông báo hoạt động tín ngưỡng hằng năm trước ngày Luật có hiệu lực, chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Luật có hiệu lực, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm đăng ký hoạt động tín ngưỡng với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở.

### *3.4. Tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ*

Tùy theo quy mô tổ chức lễ hội, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức lễ hội đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ tại cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân các cấp tùy quy mô của lễ hội) có trách nhiệm bảo đảm về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng theo nội dung thông báo.

*3.5. Tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi*

Luật quy định trước khi tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi về quy mô, nội dung, thời gian, địa điểm thì người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức lễ hội. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

**4. Chương IV: Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, đăng ký hoạt động tôn giáo:** Chương này gồm 05 điều (từ Điều 16-20) quy định về điều kiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung; trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung; điều kiện để tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; hoạt động của tổ chức sau khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

#### *4.1. Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung*

Để đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, Điều 16 của Luật đã quy định về đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho tín đồ của tổ chức tôn giáo tại những nơi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; cho những người thuộc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo và đặc biệt cho những người theo tôn giáo nhưng chưa có tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc công nhận tổ chức tôn giáo.

Để được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, nhóm tín đồ, nhóm người theo tôn giáo phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 16 của Luật:

Đối với nhóm người theo tôn giáo nhưng chưa có tổ chức ngoài các điều kiện mà nhóm tín đồ của tổ chức tôn giáo và tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo phải đáp ứng như có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo; có người đại diện là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; nội dung sinh hoạt tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật còn phải đáp ứng các điều



kiện có giáo lý, giáo luật; tên của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.

#### *4.2. Đăng ký hoạt động tôn giáo*

Luật quy định để được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức phải đáp ứng đủ các điều kiện, đó là có giáo lý, giáo luật, lễ nghi; có tôn chỉ, mục đích, quy chế hoạt động không trái với quy định của pháp luật; tên của tổ chức không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc; người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự; có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở; nội dung hoạt động tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật.

Sau khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức được thực hiện các hoạt động như tổ chức các cuộc lễ tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo, giảng đạo, bồi dưỡng giáo lý; bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc; sửa chữa, cải tạo trụ sở; tham gia hoạt động từ thiện, nhân đạo; tổ chức đại hội thông qua hiến chương.

Khi thực hiện các hoạt động nêu trên, tổ chức phải tuân thủ các quy định của Luật, quy định khác của pháp luật có liên quan.

**5. Chương V: Tổ chức tôn giáo:** Chương này gồm 22 điều (từ Điều 21-42) quy định về điều kiện công nhận tổ chức tôn giáo; trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo; hiến chương của tổ chức tôn giáo; sửa đổi hiến chương; tên của tổ chức tôn giáo; thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo; thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc; điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc; trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc; tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc; thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử chức sắc; đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc; chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành; cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc; điều kiện thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo; trình tự, thủ tục thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo; hoạt động của cơ sở đào

tạo tôn giáo; hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam; mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo; giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo.

### *5.1. Công nhận tổ chức tôn giáo*

- *Điều kiện công nhận tổ chức tôn giáo:* Một trong những điều kiện tiên quyết để một tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được công nhận là tổ chức tôn giáo khi tổ chức phải hoạt động tôn giáo ổn định, liên tục từ đủ 05 năm trở lên kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Ngoài ra, tổ chức còn phải đáp ứng các điều kiện khác như có hiến chương theo quy định tại Điều 23 của Luật; người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; có cơ cấu tổ chức theo hiến chương; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

- *Thẩm quyền, thời hạn công nhận:* Luật quy định tùy thuộc vào địa bàn hoạt động, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động trong một tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- *Hiến chương và sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo:* Theo quy định của Luật, hiến chương của tổ chức tôn giáo phải đảm bảo các nội dung cơ bản theo quy định tại Điều 23 của Luật. Tổ chức tôn giáo khi sửa đổi hiến chương, tùy thuộc vào địa bàn hoạt động của tổ chức sẽ đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

- *Tên gọi, trụ sở của tổ chức:* Tên gọi của tổ chức phải có tên bằng tiếng Việt; không được trùng với với tên tổ chức tôn giáo khác hoặc tổ chức khác đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc. Tên của tổ chức tôn giáo được sử dụng trong quan hệ với tổ chức, cá nhân khác và được pháp luật bảo vệ. Tổ chức tôn giáo thay đổi tên, trụ sở phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận.

- *Tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo:* Đối với tổ chức tôn giáo được công nhận sau ngày Luật có hiệu lực, thời điểm tổ chức là pháp nhân phi

thương mại kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Đối với các tổ chức được công nhận trước ngày Luật này có hiệu lực là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày Luật có hiệu lực. Các tổ chức tôn giáo này có trách nhiệm điều chỉnh hiến chương tại đại hội gần nhất theo quy định tại Điều 23 và đăng ký hiến chương sửa đổi theo quy định tại Điều 24 của Luật.

- *Giải thể tổ chức tôn giáo:* Tổ chức tôn giáo giải thể trong các trường hợp: Theo quy định của hiến chương; không hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; ngừng hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm liên tục hoặc hết thời hạn bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo có quyền giải thể tổ chức tôn giáo. Tổ chức tôn giáo có quyền giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc. Trước khi giải thể, tổ chức tôn giáo phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản. Tài sản của tổ chức bị giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể.

#### *5.2. Thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc*

- *Thống nhất cách hiểu về thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc:* Luật quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; chia, tách tổ chức tôn giáo trực thuộc thành nhiều tổ chức tôn giáo trực thuộc mới; sáp nhập tổ chức tôn giáo trực thuộc vào một tổ chức tôn giáo trực thuộc khác; hợp nhất các tổ chức tôn giáo trực thuộc thành một tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.

+ Sau khi chia, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị chia chấm dứt tồn tại; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị chia được chuyển giao cho các tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.

+ Sau khi tách, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị tách và tổ chức tôn giáo trực thuộc được tách thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình phù hợp với mục đích hoạt động.

+ Sau khi sáp nhập, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị sáp nhập được chuyển giao cho tổ chức tôn giáo trực thuộc mà tổ chức đó được sáp nhập vào.

+ Sau khi hợp nhất, các tổ chức tôn giáo trực thuộc cũ chấm dứt tồn tại kể từ thời điểm tổ chức tôn giáo trực thuộc mới được thành lập; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc cũ được chuyển giao cho tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.

- *Điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc*: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc khi đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 28 của Luật, cụ thể là:

+ Hiến chương của tổ chức tôn giáo có quy định về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc;

+ Hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật này;

+ Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

- *Thẩm quyền, thời hạn chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc*: Luật quy định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh.

- *Tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo trực thuộc*: Tổ chức tôn giáo trực thuộc khi đáp ứng các điều kiện: Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập, được tổ chức tôn giáo đề nghị thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại.

- *Giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc*: Tương tự như tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền giải thể hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc trong các trường hợp không hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; ngừng hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm liên

tục hoặc hết thời hạn bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

Trước khi giải thể, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản. Tài sản của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể.

### *5.3. Phong phạm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc*

- *Điều kiện phong phạm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử:* Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện việc phong phạm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử theo hiến chương của tổ chức tôn giáo. Người được phong phạm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử phải đáp ứng điều kiện như: Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

- *Phong phạm hoặc suy cử làm chức sắc; bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc:* Vấn đề phong phạm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc đã được quy định tại Pháp lệnh. Tuy nhiên, Pháp lệnh chưa có sự phân biệt rõ ràng thế nào là chức sắc, thế nào là chức việc vì vậy cả hai nội dung này được đưa vào điều chỉnh trong cùng một điều luật.

Quá trình xây dựng Luật, hai nội dung này đã được phân biệt, làm rõ nội hàm và quy định tại hai điều Luật. Điều 33 quy định về thông báo người được phong phạm hoặc suy cử làm chức sắc; Điều 34 quy định về đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc.

### *5.4. Thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành*

Kế thừa Pháp lệnh về việc quy định một điều về việc thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tuy nhiên nội hàm của vấn đề này đã được làm mới từ thẩm quyền, văn bản thông báo đến thời hạn cũng như việc thuyên chuyển đối với các trường hợp đặc biệt.

Điều 35 của Luật quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi đi và nơi đến chậm nhất là 20 ngày.

Đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chuyển chuyên có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến chuyển chuyên đến. Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mới được tiếp tục thực hiện việc chuyển chuyên theo quy định.

#### *5.5. Cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc:*

Điều 36 của Luật quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc phải theo hiến chương của tổ chức để tránh sự tùy tiện khi thực hiện. Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cách chức, bãi nhiệm chức việc thực hiện theo quy định của tổ chức và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### *5.6. Cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng tôn giáo:*

- *Cơ sở đào tạo tôn giáo:* Điều 37 của Luật đưa ra các điều kiện tổ chức tôn giáo được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo, các điều kiện đó gồm: Có cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đào tạo; có địa điểm hợp pháp để đặt cơ sở đào tạo; có chương trình, nội dung đào tạo; có môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam trong chương trình đào tạo; có nhân sự quản lý và giảng dạy đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Bên cạnh đó, Luật cũng quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo; hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo; hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam; giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo.

#### *- Lớp bồi dưỡng về tôn giáo:*

Pháp lệnh chỉ quy định về việc mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt động tôn giáo và thẩm quyền chấp thuận thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Luật quy định việc mở lớp này cho hai đối tượng: Nếu là mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi mở lớp; nếu là mở lớp cho đối tượng khác thì tổ chức tôn giáo, tổ chức

tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi mở lớp.

**6. Chương VI: Hoạt động tôn giáo; hoạt động xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo của tổ chức tôn giáo:** Chương này gồm 13 điều (từ Điều 43-55) quy định về thông báo danh mục hoạt động tôn giáo; hội nghị của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp; sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam; tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài; phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài; hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ; gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài; hoạt động xuất bản, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm; hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo.

#### *6.1. Hoạt động tôn giáo:*

##### *- Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo:*

Nếu như Pháp lệnh quy định chỉ tổ chức tôn giáo cơ sở trước ngày 15/10 hằng năm có trách nhiệm đăng ký hoạt động tôn giáo diễn ra tại cơ sở đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tổ chức tôn giáo cơ sở thì Luật quy định tất cả các tổ chức (tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo) đều phải thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được công nhận, chấp thuận hoặc được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm chỉ thực hiện một lần. Đối với hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã thông báo thì người đại diện tổ chức có trách nhiệm thông báo bổ sung. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trước ngày Luật này có hiệu lực, chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Luật có hiệu lực có trách nhiệm thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là quy định tạo điều kiện thuận lợi cho cả cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như cho các tổ chức tôn giáo khi thực hiện thông báo hoạt động tôn giáo.

##### *- Hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc:*

Pháp lệnh gộp cả hai nội dung hội nghị thường niên và đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức tôn giáo cơ sở để điều chỉnh trong cùng điều luật và các tổ chức khi thực hiện các quy định này tùy thuộc hội nghị, đại hội của cấp nào sẽ được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở trung ương).

Luật đã tách hội nghị thường niên và đại hội để điều chỉnh ở các điều luật khác nhau. Nếu là hội nghị thường niên thì tổ chức chỉ cần thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương) chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức hội nghị; nếu là đại hội, tổ chức phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi tổ chức đại hội. Đối với việc tổ chức đại hội, Luật bổ sung thêm đối tượng được tổ chức đại hội là tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

Bên cạnh đó, Luật bổ sung quy định về việc tổ chức hội nghị liên tôn giáo, hội nghị có yếu tố nước ngoài của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Đối với các hội nghị này, trước khi thực hiện các tổ chức có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Hiện nay, các hội nghị này được tổ chức thực hiện nhiều nhưng do Pháp lệnh chưa có quy định nên rất khó cho các tổ chức khi thực hiện.

Về thời hạn cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời các tổ chức khi tổ chức đại hội được nâng lên 25, 30, 45 ngày tùy thuộc thẩm quyền của tổ chức, để các cơ quan có thời gian phối hợp nghiên cứu, thẩm định.

*- Cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp:*

Pháp lệnh quy định cuộc lễ, giảng đạo được điều chỉnh bởi các quy định khác nhau từ trình tự, thủ tục, thẩm quyền đến thời gian cơ quan nhà nước có trách nhiệm trả lời. Nếu là cuộc lễ của tổ chức tôn giáo diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo, tùy sự tham gia của tín đồ mà thẩm quyền chấp thuận thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đối với giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo, thẩm quyền chấp thuận sẽ là Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Luật đã gộp cả hai nội dung cuộc lễ, giảng đạo để điều chỉnh trong cùng một điều luật với hai khoản khác nhau (bỏ truyền đạo vì đây là quyền của tổ chức tôn giáo), bổ sung quy định nếu giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký, chức sắc, chức việc, nhà tu hành phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



Pháp lệnh quy định thẩm quyền chấp thuận cuộc lễ, giảng đạo phải được sự chấp thuận của một trong hai cơ quan là Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Theo Luật thì thẩm quyền này được giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh.

Về thời hạn cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời tổ chức tôn giáo khi tổ chức cuộc lễ, trả lời chức sắc, chức việc, nhà tu hành khi thực hiện giảng đạo được nâng lên 25 hoặc 30 ngày tùy thuộc vào thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh. Luật cũng quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có trách nhiệm hỗ trợ bảo đảm an ninh, trật tự cho cuộc lễ, giảng đạo.

### *6.2. Hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài:*

Đây là mục quy định có nhiều nội dung mới, được các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đánh giá là điểm sáng, tiến bộ của Luật. Trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh, Luật đã có nhiều đổi mới, bổ sung, chẳng hạn:

- *Các quyền cơ bản của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam:*

+ *Sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam:* Pháp lệnh quy định về quyền này cho người nước ngoài, tuy nhiên họ chỉ được sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở tôn giáo như tín đồ tôn giáo Việt Nam; nếu người nước ngoài có nhu cầu tập trung để sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở tôn giáo hợp pháp ở Việt Nam sẽ có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong thực tế khi thực hiện quyền này, nhiều cơ sở tôn giáo của Việt Nam không đủ rộng; chức sắc, nhà tu hành không biết nhiều ngôn ngữ để giúp họ thực hiện các lễ nghi tôn giáo; nhiều tôn giáo người nước ngoài theo nhưng hiện ở Việt Nam chưa có... đã hạn chế quyền sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài.

Khắc phục tình trạng này, Luật quy định người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo hoặc tại địa điểm hợp pháp khác gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm dự kiến sinh hoạt tôn giáo tập trung. Như vậy, họ không chỉ được sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo mà còn được thuê địa điểm hợp pháp khác để thực hiện quyền này.

+ *Hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam:* Kế thừa các quy định của Pháp lệnh, Luật quy định chủ thể được mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo là tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (Pháp lệnh quy định chủ thể là tín đồ, nhà tu hành, chức sắc); bổ sung hoạt động mà tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam được thực hiện, đó là

“hoạt động tôn giáo”; để tránh các cá nhân mạo danh chức sắc tôn giáo nước ngoài, Luật quy định thành phần hồ sơ bổ sung “*Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời*”; thẩm quyền chấp thuận được giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo ở một tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương nếu mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo.

+ *Việc mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo*: Luật cũng quy định tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo. Tuy nhiên, khi thực hiện quyền này, tổ chức phải tuân thủ các quy định tại khoản 2, 3 và chức sắc, nhà tu hành phải tuân thủ khoản 6 Điều 48 của Luật. Đây là quy định mới của Luật so với Pháp lệnh.

+ *Việc mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo của nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung*: Khác với quy định của Pháp lệnh, Luật quy định nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung được trực tiếp mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo khi có nhu cầu (Pháp lệnh quy định việc mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo phải thông qua tổ chức tôn giáo). Khi thực hiện quyền này, nhóm người nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 48 đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài khi giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung phải tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 48 của Luật.

+ *Người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam*: Trên cơ sở các quy định của Pháp lệnh, Luật quy định người nước ngoài có thể gửi hồ sơ (khi đang ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài) đăng ký học tại các cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam. Khi đã vào học người nước ngoài phải là người cư trú hợp pháp ở Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam, tự nguyện đăng ký học, được cơ sở đào tạo tôn giáo đề nghị với cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

+ *Tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài*: nếu như Pháp lệnh quy định tổ chức, cá nhân tôn giáo khi tham gia hoạt động tôn giáo, khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị, thì Luật quy định chỉ tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài mới là chủ thể có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị. Quy định này nhằm đảm bảo được sự quản lý thống nhất, có tổ chức cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

+ *Phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài*: Luật quy định các trường hợp phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài bao gồm tổ chức tôn giáo Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam; tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử cho công dân Việt Nam ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, Luật cũng quy định điều kiện của người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; trách nhiệm của tổ chức tôn giáo có người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử hoặc phong phẩm, suy cử phẩm vị cho người nước ngoài; trách nhiệm đăng ký của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc đối với trường hợp công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài khi về Việt Nam làm chức sắc, chức việc.

+ *Hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ*: Luật quy định quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ được thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế nhưng phải theo hiến chương của tổ chức tôn giáo và phù hợp với pháp luật Việt Nam; khi thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia có liên quan.

+ *Gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài*: Đây là quy định mới của Luật, mặc dù trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức tôn giáo đã xuất hiện các hoạt động này nhưng Pháp lệnh chưa quy định. Để phù hợp với tình hình thực tiễn, Luật quy định trước khi gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Luật còn quy định khi chấm dứt tham gia tổ chức tôn giáo nước ngoài, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày chấm dứt.

### *6.3. Hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo*

#### *- Hoạt động xuất bản, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm*

Luật quy định, tổ chức tôn giáo được thực hiện hoạt động xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng, tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn giáo, đồ dùng tôn giáo theo quy định của pháp luật về xuất bản và quy định khác của pháp luật.

#### *- Hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo*

Được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan.

**7. Chương VII: Tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo:** Chương này gồm 04 điều, (từ Điều 56-59) quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo; đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo; di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo.

*7.1. Việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo:*

Đây là quy định mới của Luật nhằm duy danh cụ thể tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo gồm tài sản được hình thành từ các nguồn nào (đóng góp của thành viên tổ chức, quyên góp, tặng cho của tổ chức, cá nhân hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật). Các tài sản này phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Luật quy định cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo được hình thành theo tập quán, do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyên góp, được tặng cho chung hoặc từ các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng là tài sản thuộc sở hữu chung của cộng đồng. Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, góp vốn tài sản bằng quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

*7.2. Đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo*

Để phù hợp với pháp luật chuyên ngành, Luật quy định đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

*7.3. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo*

Luật quy định việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo thực hiện như quy định của pháp luật về xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng. Việc tu bổ, phục hồi cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng; việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc các cơ sở này thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật về xây dựng.

*7.4. Di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo*

Việc di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về xây dựng.

**8. Chương VIII: Quản lý nhà nước và xử lý vi phạm trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo:** Chương này gồm 06 điều, (từ Điều 60-65) quy định nội dung quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; trách nhiệm, thẩm quyền của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; trách nhiệm của công dân, người có tín ngưỡng, tôn giáo trong thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Để bảo đảm có đầy đủ công cụ pháp lý nhằm thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này, đồng thời bảo đảm quyền phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, Luật quy định về thanh tra chuyên ngành tôn giáo; khiếu nại, tố cáo, khởi kiện; xử lý vi phạm trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và một số biện pháp chế tài khác như đình chỉ, thu hồi, giải thể.

**9. Chương IX: Điều khoản thi hành:** Chương này gồm 03 điều, (từ Điều 66-68) quy định về hiệu lực thi hành; điều khoản chuyển tiếp và quy định chi tiết.

Theo đó, Luật có hiệu lực thi hành bắt đầu từ ngày 01/01/2018. Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo số 21/2004/UBTVQH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Luật cũng quy định về các điều, khoản được chuyển tiếp, cụ thể:

- Nhóm người đã được chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, công nhận tổ chức tôn giáo trước ngày Luật này có hiệu lực không phải làm thủ tục đăng ký, công nhận lại theo quy định tại các điều 17, 19 và 22 của Luật này.

- Tổ chức tôn giáo trực thuộc đã được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; hội đoàn tôn giáo, dòng tu và tổ chức tu hành tập thể đã được cấp đăng ký hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực không phải làm thủ tục đề nghị, đăng ký lại theo quy định tại Điều 29 và Điều 38 của Luật này.

- Đối với tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trước ngày Luật này có hiệu lực thì thời gian để công nhận là tổ chức tôn giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật này được tính từ khi tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

- Tổ chức tôn giáo đã được công nhận trước ngày Luật này có hiệu lực là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày Luật này có hiệu lực. Các tổ chức tôn giáo này có trách nhiệm điều chỉnh hiến chương tại đại hội gần nhất theo quy định tại Điều 23 và đăng ký hiến chương sửa đổi theo quy định tại Điều 24 của Luật này.

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn

giáo trước ngày Luật này có hiệu lực có trách nhiệm thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 43 của Luật này.

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực, cơ sở tín ngưỡng đã thông báo hoạt động tín ngưỡng hằng năm trước ngày Luật này có hiệu lực có trách nhiệm đăng ký hoạt động tín ngưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này.

#### **IV. NHỮNG ĐIỂM MỚI CƠ BẢN CỦA LUẬT**

##### **1. Mở rộng chủ thể thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo**

Theo Hiến pháp năm 2013: *"Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào"* (Điều 24). Cụ thể hóa Hiến pháp Luật quy định: *"Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào"* (Khoản 1 Điều 6).

Luật quy định mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo; quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo. Đối với người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo hoặc học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. Đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo. Quy định này thể hiện tính nhân văn trong chính sách của Nhà nước Việt Nam về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho những người bị hạn chế quyền công dân.

Như vậy, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của tất cả mọi người và quyền này không bị giới hạn bởi quốc tịch, giới tính, độ tuổi. Quy định này thể hiện đúng bản chất quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền con người.

##### **2. Bổ sung 01 (một) chương về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo**

Để phản ánh rõ hơn phạm vi điều chỉnh của Luật cũng như thể hiện cơ bản nhất chính sách của Nhà nước trong việc tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người, Luật đã bổ sung 01 (một) chương về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo với 04 điều quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

### **3. Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung**

*Một trong những điểm mới được quy định về đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, đó là chủ thể thực hiện quyền này được mở rộng. Vấn đề đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cũng đã được quy định tại Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 04/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành (Chỉ thị 01) và Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (Nghị định 92). Tuy nhiên, cả hai văn bản trên chủ thể được thực hiện quyền sinh hoạt tôn giáo tập trung không hoàn toàn giống nhau. Tại Chỉ thị 01, chủ thể thực hiện quyền này bao gồm cả nhóm tín đồ thuộc tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận và nhóm người theo tôn giáo nhưng chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để công nhận tổ chức, Nghị định số 92 quy định chủ thể thực hiện quyền này là công dân có nhu cầu tập trung để sinh hoạt tôn giáo nhưng chưa có tổ chức được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc công nhận về tổ chức. Kế thừa có bổ sung các quy định này, Luật quy định chủ thể thực hiện các quyền này bao gồm chủ thể được quy định tại Chỉ thị 01; Nghị định 92; ngoài ra *những người thuộc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cũng được thực hiện quyền này.**

*Điểm mới thứ hai, việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung không xem là mốc khởi điểm để hình thành về tổ chức, trong khi đó Pháp lệnh quy định đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung là điểm khởi đầu, mốc đầu tiên đánh dấu sự hình thành của tổ chức, để sau đó nếu có đủ điều kiện theo quy định sẽ tiến tới đăng ký hoạt động tôn giáo và công nhận về tổ chức.*

### **4. Một số nội dung theo quy định của Pháp lệnh thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ nay Luật phân cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương**

Theo quy định của Pháp lệnh, một số nội dung thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ nay Luật phân cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương (công nhận tổ chức tôn giáo; thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thành lập trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo; tiếp nhận thông báo giải thể trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo). Việc thay đổi này sẽ giảm tải công việc cho Thủ tướng Chính phủ, tăng thẩm quyền cho cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cũng như giúp cho việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo nhanh gọn, thuận lợi hơn khicác tổ chức, cá nhân liên quan có nhu cầu.

## **5. Thời gian được công nhận là tổ chức tôn giáo từ 23 năm giảm còn 05 năm**

Pháp lệnh quy định tổng thời gian kể từ khi được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận sinh hoạt tôn giáo đến đăng ký hoạt động tôn giáo, công nhận tổ chức tôn giáo là 23 năm. Theo Luật, thời gian công nhận tổ chức tôn giáo được tính từ khi tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ổn định, liên tục từ đủ 05 năm trở lên kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

Như vậy, thời gian được tính để công nhận là tổ chức tôn giáo từ 23 năm giảm còn 05 năm trở lên. Đây là một quy định thuận lợi cho các tổ chức khi đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo.

## **6. Loại bỏ, bổ sung một số từ ngữ được sử dụng trong Luật**

Một số từ ngữ đã được sử dụng tại Pháp lệnh như hội đoàn (mang tính chuyên biệt của một tôn giáo), tổ chức tôn giáo cơ sở đã bị loại bỏ; đồng thời bổ sung nhiều từ ngữ mới như tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo, chức việc, sinh hoạt tôn giáo, địa điểm hợp pháp, người đại diện và đặc biệt là cách hiểu về tổ chức tôn giáo trực thuộc. Tổ chức tôn giáo trực thuộc như hiện nay Luật quy định được hiểu bao hàm cả tổ chức tôn giáo cơ sở, hội đoàn, dòng tu, các ban, ngành, viện từ trung ương đến cơ sở của tổ chức tôn giáo. Và các tổ chức này khi thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 28, Điều 29 của Luật.

## **7. Vấn đề tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo**

Điều 30 của Luật quy định tổ chức tôn giáo là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Đối với tổ chức tôn giáo được công nhận trước ngày Luật có hiệu lực là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày Luật này có hiệu lực với điều kiện các tổ chức tôn giáo này có trách nhiệm điều chỉnh, đăng ký hiến chương tại đại hội gần nhất theo quy định.

Đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc bên cạnh việc đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 21 của Luật còn phải được tổ chức tôn giáo đề nghị và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký mới trở thành pháp nhân phi thương mại.

Đây là một nội dung mới, quan trọng của Luật nhằm xác định rõ địa vị pháp lý của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các tổ chức khi tham gia vào các quan hệ pháp luật. Quy định này phù hợp với xu thế quản lý trong nhà nước pháp quyền, pháp luật quốc tế cũng như thực tiễn hoạt động của các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hiện nay.

**8. Tách nội dung phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc thành hai nội dung: phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc và bổ nhiệm,**



## **bầu cử, suy cử làm chức việc**

Pháp lệnh quy định gộp chức sắc, chức việc trong cùng các điều khoản và điều chỉnh theo hướng tổ chức tôn giáo gửi bản đăng ký người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền và sau thời hạn là 20 ngày nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền không có ý kiến khác thì người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử được hoạt động tôn giáo theo chức danh đã được đăng ký.

Quá trình xây dựng Luật, nhiều nhà quản lý, nhà khoa học, đặc biệt đa số các đại biểu Quốc hội đề nghị cần phải tách bạch, phân định rõ ràng thế nào là chức sắc, chức việc; trách nhiệm, vai trò của chức sắc, chức việc trong tổ chức tôn giáo cũng như trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân có liên quan, đặc biệt với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Và từ việc tách bạch này cần cân nhắc nội dung nào cần thông báo, nội dung nào cần đăng ký để nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tôn giáo trong hoạt động tôn giáo.

Với yêu cầu như vậy, Luật đã tách bạch, phân định rõ chức sắc, chức việc. Trên cơ sở phân định rõ chức sắc, chức việc, Luật quy định cách thức thực hiện đối với việc phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc (Điều 33 của Luật) khác với bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc (Điều 34 của Luật).

## **9. Về cơ sở đào tạo tôn giáo, mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo**

*Về cơ sở đào tạo tôn giáo*, trên cơ sở kế thừa Pháp lệnh, Luật đã bổ sung làm mới các quy định liên quan đến cơ sở đào tạo tôn giáo bao gồm từ đối tượng *trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo* thành *cơ sở đào tạo tôn giáo*, điều kiện thành lập, thẩm quyền chấp thuận đến các nội dung liên quan đến hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo.

*Về mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo*, Pháp lệnh quy định về mở lớp bồi dưỡng cho đối tượng là những người chuyên hoạt động tôn giáo và thẩm quyền chấp thuận thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi mở lớp. Luật quy định việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo và phân tách việc mở lớp cho hai đối tượng là người chuyên hoạt động tôn giáo đăng ký việc mở lớp với cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh và những người không chuyên hoạt động tôn giáo thì thông báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi mở lớp.

Quy định này tạo thuận lợi cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc khi mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo; mặt khác đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong đó có quyền tham dự các lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho mọi người.

## **10. Bổ sung nội dung phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước**

## **ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam**

Đây là một quy định hoàn toàn mới, phù hợp với thực tiễn hoạt động tôn giáo, với xu thế hội nhập quốc tế và thông lệ quốc tế. Quy định này đã tạo điều kiện cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được đề nghị phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị khi đáp ứng các điều kiện Luật định, đó là:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;

- Được đào tạo tôn giáo tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam;

- Tuân thủ pháp luật Việt Nam.

### **11. Đăng ký hoạt động tín ngưỡng, thông báo danh mục hoạt động tôn giáo**

Việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng, thông báo danh mục hoạt động tôn giáo được thay đổi theo hướng chỉ đăng ký, thông báo lần đầu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, những nội dung không có trong văn bản đăng ký hoặc thông báo sẽ đăng ký, thông báo bổ sung. Đây là một quy định mới, tiến bộ, phù hợp với xu hướng cải cách hành chính hiện nay ở Việt Nam.

### **12. Bổ sung theo hướng tạo điều kiện cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam**

Luật quy định mang tính nguyên tắc tại Điều 8 về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, đó là được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo với các quyền cụ thể như sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung; mời chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo; vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam; mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam.

Trên cơ sở các quy định mang tính nguyên tắc này, Luật dành 01 mục với 07 điều quy định về hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài, trong đó điểm mới tiến bộ phải kể đến đó là việc tạo điều kiện cho nhóm người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung có thể thuê, mượn

địa điểm để sinh hoạt tôn giáo; người nước ngoài có thể được tổ chức tôn giáo ở Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị; tổ chức tôn giáo ở Việt Nam có quyền gia nhập, chấm dứt tham gia tổ chức tôn giáo nước ngoài;...

### **13. Một số nội dung hoạt động chỉ cần thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền**

Một số nội dung hoạt động chỉ cần thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để các cơ quan này biết, thực hiện trách nhiệm phối hợp với các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để các hoạt động tôn giáo diễn ra đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn, bảo vệ môi trường... Các nội dung theo quy định của Luật người đại diện cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo như thông báo lễ hội định kỳ; thông báo về khoản thu, mục đích sử dụng khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng; thông báo hoạt động của cơ sở đào tạo; thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử; thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành; thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc; thông báo hội nghị thường niên... Đây cũng là quy định phù hợp với xu hướng hiện nay nhằm nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tôn giáo trong hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo.

### **14. Phân định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo**

Luật quy định cụ thể trách nhiệm, thẩm quyền của Chính phủ, bộ, ngành, Ủy ban nhân dân, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc tập hợp đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh đó, Luật cũng có các quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Đề bảo đảm có đầy đủ công cụ pháp lý nhằm thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này, đồng thời bảo đảm quyền phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, Luật quy định về thanh tra chuyên ngành tôn giáo; khiếu nại, tố cáo, khởi kiện; xử lý vi phạm trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và một số biện pháp chế tài khác như đình chỉ, thu hồi, giải thể.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành:** Để triển khai thi hành Luật, trong thời gian tới, Chính phủ sẽ ban hành 02 Nghị định:

- Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

- Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

## **2. Tuyên truyền, phổ biến về Luật tín ngưỡng, tôn giáo**

Thực hiện các hoạt động phổ biến Luật theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Nội vụ; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; Bộ Thông tin và Truyền thông; Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam; Ủy ban nhân dân các cấp và Ban Tôn giáo Chính phủ.

## **3. Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật**

- Kinh phí triển khai Luật được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

- Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể có trách nhiệm lập dự toán kinh phí bảo đảm việc triển khai thi hành Luật, gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật.

## **4. Tác động chính sách của Luật đến người dân, xã hội**

Luật tín ngưỡng, tôn giáo có nhiều điểm mới, tiến bộ, thể hiện tính công khai, dân chủ, minh bạch, nhà nước pháp quyền, phù hợp với tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Các quy định của Luật cũng bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành như Bộ luật dân sự, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật di sản văn hóa, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật giáo dục... Việc ban hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo có ý nghĩa quan trọng cả về đối nội và đối ngoại, khắc phục kịp thời những bất cập của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, thể chế hóa các quy định mới của Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho mọi người, phù hợp với chủ trương cải cách thể chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính hiện nay ở nước ta, phục vụ đặc lực hơn nữa cho yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam, đảm bảo lợi ích của đất nước./.

-----